

Bản án số: 21/2025/HS-ST
Ngày 26/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VINH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim Khuyên

-Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Triều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/10/1981; nơi sinh và cư trú: Thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; vợ: Hà Thị H, sinh năm 1984, con có 02 con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt).

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt). Chị Hà Thị H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Khoảng tháng 11/2022, do cần tiền để làm ăn buôn bán nên Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 ở thôn Y, xã B, huyện L đến nhà gặp và hỏi vay tiền của chị Trần Thu H, sinh năm 1988 ở thôn C, xã Q, huyện L. Chị H đồng ý cho vay không tính lãi suất nhưng yêu cầu H phải có giấy tờ, tài sản tín chấp. Do trước đó cần tiền để làm ăn nên Nguyễn Văn H và chị Hà Thị H (là vợ H) có vay tiền của ngân hàng và đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 479, tờ bản đồ số 49 địa chỉ tại thôn Y, xã B, huyện L đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018, đứng tên chủ sở hữu H và chị H (viết tắt là

GCNQSDĐ thửa 479). Sau đó, do làm ăn thua lỗ cần tiền để làm ăn nên H một mình nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Thực hiện ý định, H tìm trên mạng xã hội thì thấy có 01 trang Page có người không rõ tên, tuổi, địa chỉ nhận làm giả GCNQSDĐ thửa 479 với giá 500.000 đồng, Hồng đồng ý và gửi thông tin cho người này qua trang Page để làm giả GCNQSDĐ thửa 479. Khoảng 05 ngày sau, có người giao hàng đưa cho H 01 GCNQSDĐ thửa 479 thì H đưa cho người đàn ông này số tiền 500.000đ. Ngày 30/11/2022, H một mình đến nhà chị H hỏi vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng và đưa cho chị H GCNQSDĐ thửa 479 giả trên để làm tin. Chị H đồng ý và yêu cầu H viết 01 Giấy vay tiền. Sau khi viết xong Giấy vay tiền, chị H cầm giấy vay tiền, GCNQSDĐ thửa 479 giả và đưa cho H 120.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, H kinh doanh buôn bán đến ngày 02/12/2022, H chuyển khoản trả chị H 70.000.000 đồng và còn nợ lại 50.000.000 đồng. Đến ngày 22/12/2022, H tiếp tục vay chị H 30.000.000 đồng và viết 01 Giấy vay tiền đưa cho chị H cầm. Đến ngày 04/01/2023, H tiếp tục chuyển khoản trả chị H 20.000.000 đồng và viết 01 Giấy khất nợ số tiền 60.000.000đ, khi nào có thì trả. Sau đó, thì do làm ăn thua lỗ nên H không có tiền trả chị H như đã hẹn. Do đó, H tiếp tục xin khất nợ và không trả được tiền chị H nên 02/5/2024 chị H đã trình báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra và giao nộp: 02 giấy vay tiền ngày 30/11/2022 và ngày 22/12/2022; 01 giấy khất nợ ngày 15/01/2023 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Văn H, Hà Thị H.

Tại bản kết luận giám định số 1933 ngày 02/7/2024 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận đối với 01 GCNQSDĐ thửa 479 do chị H giao nộp: “Chữ ký đứng tên ‘Phó giám đốc Tạ Ngọc L’ trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 là chữ ký trực tiếp, so với chữ ký của Tạ Ngọc L trên mẫu so sánh ký hiệu M không phải do dùng 01 người ký ra; Hình dấu tròn đỏ có nội dung ‘CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM * TỈNH VĨNH PHÚC * SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG’ trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.”

Tại kết luận giám định số 2292 ngày 09/8/2024 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận đối với giấy vay tiền: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn H dưới mục ‘NGƯỜI VAY TIỀN (Ký ghi rõ họ tên)’ trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký ra viết ra.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu thông tin và sao kê giao dịch số tài khoản ngân hàng 2808205297376 ngân hàng nông nghiệp (Agribank) tên Trần Thu H và số tài khoản ngân hàng 106872716013 ngân hàng công thương (Viettinbank) tên Nguyễn Văn H, thể hiện việc chuyển khoản giữa H và chị H phù hợp với diễn biến sự việc nêu trên.

Quá trình điều tra, H khai toàn bộ số tiền vay được của chị H, H đều sử dụng để chăn nuôi và bán buôn thịt lợn, nhưng do dịch bệnh thua lỗ, nên H một mình nảy sinh ý định làm giả GCNQSDĐ thửa 479 để làm tin vay tiền của chị

H. Bản thân H đã trả được một phần số tiền đã vay, số tiền còn nợ lại do làm ăn thua lỗ, phải chi trả nhiều chủ hàng nên H chưa có tiền để trả cho chị H. Sau đó, chị H đã đồng ý để H viết giấy khất nợ. Việc H làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ nhằm mục đích vay được tiền của chị H, không có mục đích chiếm đoạt số tiền này. Lời khai của H phù hợp với tài liệu xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, do đó xác định việc vay nợ giữa H và chị H chỉ là quan hệ giao dịch dân sự, không cấu thành các tội về chiếm đoạt tài sản.

Đối với người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và người giao hàng cho H. Quá trình điều tra H khai nhận do thời gian đã lâu nên H không nhớ tên đăng nhập facebook, không nhớ trang Page Facebook, tên tuổi địa chỉ của người mà H đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không biết tên, tuổi, địa chỉ của người giao hàng. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với chị Hà Thị H là vợ Nguyễn Văn H, quá trình điều tra xác định việc H đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để mang đi thế chấp vay tiền, chị H không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của H. Do vậy, cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tên Nguyễn Văn H và Hà Thị H, 02 Giấy biên nhận tiền và 01 giấy khất nợ là tài liệu chứng minh tội phạm cần lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động H sử dụng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện đã mất không còn sử dụng nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, chị H yêu cầu H phải trả lại cho chị số tiền 60.000.000đ là tiền gốc chị H đã cho H vay, không yêu cầu lãi suất. H đồng ý nhưng đến nay do chưa có tiền H chưa trả lại cho chị H số tiền này. Do vậy, cần buộc H phải trả lại cho chị H số tiền 60.000.000 đồng là phù hợp.

Tại cáo trạng số 11/CT-VKSLT ngày 05/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố Nguyễn Văn H về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 341 điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H, đề nghị xử phạt bị cáo H từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng đến 30 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 463, Điều 466; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự: Bị cáo H phải trả cho chị H 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn).

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tên Nguyễn Văn H và Hà Thị H, 02 Giấy biên nhận tiền và 01 giấy khất nợ là tài liệu chứng minh tội phạm cần lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo H đề nghị xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H, chị Hà Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy đã có đầy đủ lời khai trong quá trình điều tra và không có yêu cầu gì. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt chị H, chị H.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Nguyễn Văn H, sinh năm 1981, trú tại thôn Y, xã B, huyện L, làm nghề chăn nuôi và bán buôn thịt lợn. Do làm ăn thua lỗ và để có vốn làm ăn nên H đã đặt trên mạng xã hội làm giả giấy chứng nhận thửa đất số 479, tờ bản đồ số 49 địa chỉ tại thôn Y, xã B, huyện L mang tên Nguyễn Văn H, Hà Thị H (là vợ H) được Nhà nước cấp năm 2018, với mục đích sử dụng để làm tin vay tiền, từ ngày 30/11/2022 đến ngày 22/12/2022, Nguyễn Văn H đã sử dụng GCNQSDĐ thửa số 479 giả trên để làm tin vay tiền của chị Trần Thu H, sinh năm 1984 ở thôn C, xã Q, huyện L số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền, H tiếp tục làm ăn buôn bán và trả nợ cho chị H. Đến ngày 04/01/2023, H còn nợ lại chị H 60.000.000 đồng và chị H đồng ý cho H khất nợ, khi nào có tiền thì trả. Tuy nhiên từ đó đến nay H không trả khoản nợ này cho chị H nên chị H đã trình báo giải quyết theo quy định.

Hành vi của Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp vật chứng của vụ án, kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc; phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội:

“Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự

Điều 341 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào ... sử dụng ... tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.”

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm đến uy tín của cơ quan nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của nhà nước và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và cả xã hội lên án.

Xét nhân thân của bị cáo Nguyễn Văn H đối chiếu với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng trước khi phạm tội bị cáo H là người có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo Hồng được hưởng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tù cho các bị cáo hưởng án treo ấn định thời gian thử thách giao bị cáo Hồng cho Ủy ban nhân dân xã Bắc Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng....”. Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của Viện Kiểm sát là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, chị H yêu cầu H phải trả lại cho chị số tiền 60.000.000đ là tiền gốc chị H đã cho H vay, không yêu cầu lãi suất. H đồng ý nhưng cho đến nay H chưa có tiền trả lại cho chị H số tiền này. Do vậy, cần buộc H phải trả lại cho chị H số tiền 60.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và người giao hàng cho H. Quá trình điều tra Hồng khai nhận do thời gian đã lâu nên H không nhớ tên đăng nhập facebook, không nhớ trang Page Facebook, tên tuổi địa chỉ của người mà H đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không biết tên, tuổi, địa chỉ của người giao hàng. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với chị Hà Thị H là vợ Nguyễn Văn H, quá trình điều tra xác định việc H đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để mang đi thế chấp

vay tiền, chị H không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của H. Do vậy, cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tên Nguyễn Văn H và Hà Thị H, 02 Giấy biên nhận tiền và 01 giấy khất nợ là tài liệu chứng minh tội phạm cần lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động H sử dụng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện đã mất không còn sử dụng nên không thu hồi được.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Hồng 01 (một) năm 01 (một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 02 (hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung đối với bị cáo H, 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn) để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Hồng cho Ủy ban nhân dân xã Bắc Bình, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 463, Điều 466; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả cho chị Trần Thị H 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Văn

Hồng phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 3.000.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc (PC10);
- UBND xã Bắc Bình;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ

Nguyễn Công Sinh

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Khổng Thị Ánh, sinh năm 1983 (vắng mặt). **bỏ**

Địa chỉ: Thôn Xuân Trạch, xã Xuân Hòa, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bà Dương Thị Hương, sinh năm 1955 (vắng mặt). **bỏ**

Địa chỉ: Tổ dân phố Hưng Thịnh, thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.?

